

# Hoạt động rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc của sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk

Trần Thị Thu Thảo<sup>a</sup>

## Tóm tắt:

Rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc cho sinh viên sư phạm mầm non là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo nghề giáo viên mầm non. Nghiên cứu này đề cập đến thực trạng rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc của sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk và một số nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn trên 6 giảng viên, giáo viên và 93 sinh viên để đánh giá về thực trạng hoạt động rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc cho sinh viên. Kết quả: nhận thức của sinh viên về kỹ năng quản lý cảm xúc còn hạn chế chiếm 67,74%; nội dung rèn luyện cho sinh viên vẫn chưa được thực hiện thường xuyên; Các hình thức rèn luyện chủ yếu thông qua hoạt động dạy học và hoạt động thực tập sư phạm; Các phương pháp thường xuyên được sử dụng phương pháp dùng lời, phương pháp dạy học nhóm, phương pháp đóng vai,... Kết quả nghiên cứu sẽ là những tiền đề để nhà trường và đội ngũ giảng viên sư phạm đề xuất được các biện pháp rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc cho sinh viên có hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** *sinh viên, kỹ năng quản lý cảm xúc, rèn luyện, giáo dục mầm non, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk*

---

<sup>a</sup> Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk; 349 Lê Duẩn, phường Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.  
e-mail: tttthao200990@gmail.com

# Training Activities Emotional Management Skills of Students in the Early Childhood Education Major at Dak Lak Pedagogical College

Tran Thi Thu Thao<sup>a</sup>

## Abstract:

In the vocational training of pre-school teachers, developing emotional skills is crucial. The article discusses the training of emotional management skills among students majoring in Early Childhood Education at Dak Lak Pedagogical College, outlining some contributing factors. Results show that students' awareness of emotional management skills is still limited, accounting for 67.74%. The emotional management training content for students was not consistently delivered. The primary forms of training include educational and practical activities, with commonly used methods such as verbal instruction, group teaching, and role-playing. The research findings will inform the school and teachers on implementing effective management skills to enhance student performance.

**Key words:** *student, emotion management skills, practice, Early Childhood Education major, Dak Lak Pedagogical College*

**Received: 26.4.2023; Accepted: 15.12.2023; Published: 31.3.2024**

**DOI: 10.59907/daujs.3.1.2024.168**

---

<sup>a</sup> Dak Lak Pedagogical College; 349 Le Duan Street, Ea Tam Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province. e-mail: tttthao200990@gmail.com

## Đặt vấn đề

Đã từ lâu, đời sống xúc cảm, tình cảm của con người vẫn là một lĩnh vực thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu bởi tính quan trọng của nó trong hoạt động sống và lao động của con người. Việc nghiên cứu kỹ năng quản lý cảm xúc (KNQLCX) và những cách thức để giúp con người có thể quản lý cảm xúc của mình với tư cách là một vấn đề khoa học bắt đầu được quan tâm. Và các tác giả cũng tiếp cận vấn đề quản lý cảm xúc theo nhiều chiều hướng khác nhau, như nghiên cứu KNQLCX dưới góc độ là thành phần của trí tuệ cảm xúc mà tiêu biểu là các công trình nghiên cứu của Peter Salovey, John D. Mayer và David R. Caruso (1997), Fischer, Manstead, Evers, Timmers và Valk (2004), Daniel Goleman với tác phẩm *Emotional Intelligence* (1995) (2002),... (Nguyễn Thị Hải, 2013); hoặc nghiên cứu KNQLCX dưới góc độ là một kỹ năng sống theo quan điểm của WHO và UNESCO (Nguyễn Hữu Long, 2016); ngoài ra còn có hướng nghiên cứu tiếp cận KNQLCX như là một kỹ năng giao tiếp (KNGT), các nhà tâm lý học Xô Viết đã có đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu về giao tiếp nói chung và KNGT nói riêng, đặc biệt là những KNGT sư phạm. Có thể kể đến những tác giả nổi bật trong khuynh hướng này như: Cubanova, Dakharov, Leonchiev,... Mặc dù quan niệm về hệ thống KNGT của các tác giả là không giống nhau nhưng lại thống nhất rằng, kỹ năng điều khiển bản thân - kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi là kỹ năng không thể thiếu trong giao tiếp nhằm đảm bảo quá trình giao tiếp đạt hiệu quả (Nguyễn Bá Phú, 2016). Trong nghiên cứu về KNGT của mình, I.P. Dakharov đã đưa ra mười KNGT mà một cá nhân cần có, trong đó có những kỹ năng tự kiểm chế, kỹ năng tự chủ xúc cảm hành vi, kỹ năng nhạy cảm trong giao tiếp (Phạm Thị Mỹ Nữ, 2018). Các kỹ năng này đều có liên quan đến KNQLCX của cá nhân. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu kể trên cũng chỉ nhắc tới KNQLCX dưới góc độ là một kỹ năng thành phần của kỹ năng giao tiếp nên cũng mới chỉ đưa ra các phương pháp giáo dục, rèn luyện kỹ năng giao tiếp nói chung mà chưa đề cập nhiều đến việc rèn luyện nhằm hình thành và phát triển kỹ năng quản lý cảm xúc.

Ở Việt Nam, những công trình nghiên cứu về thực trạng KNGT sư phạm của giáo viên mầm non của các tác giả Bùi Khiếu Ngọc Lệ Hằng (2012), Bùi Thị Nguyên Hào (2013)... đều cho rằng kỹ năng làm chủ trạng thái cảm xúc của bản thân giáo viên mầm non thuộc nhóm các kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp; kỹ năng này thể hiện ở chỗ giáo viên phải biết tự kiểm chế, che dấu tâm trạng khi cần thiết, biết tạo ra xúc cảm tích cực cho bản. Kết quả nghiên cứu của các công trình này cho thấy dù phần đông giáo viên mầm non được khảo sát đã nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng này nhưng lại có đến hơn một nửa mẫu nghiên cứu còn gặp hạn chế trong việc kiểm soát, che dấu cảm xúc và điều khiển, điều chỉnh cảm xúc, thái độ của bản thân; đồng thời tác giả cũng kết luận rằng nguyên nhân giáo viên gặp khó khăn trong giao tiếp sư phạm với trẻ là vì khả năng kiểm chế cảm xúc còn hạn chế thân (Bùi Khiếu Ngọc Lệ Hằng, 2012; Bùi Thị Nguyên Hào, 2013).

Bên cạnh đó cũng có rất nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về KNQLCX của giáo viên, học sinh và sinh viên cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Thực nghiệm phát hiện của Huỳnh Văn Sơn (2012) cho thấy sinh viên ngành sư phạm có KNQLCX nhưng chỉ đạt ở mức trung bình (Huỳnh Văn Sơn, 2012). Tác giả Nguyễn Thị Hải (2013), trong đề tài *Kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân của sinh viên sư phạm* đã nghiên cứu kỹ năng quản lý các cảm xúc nền tảng của con người và cho thấy, KNQLCX bản thân bao gồm 4 kỹ năng thành phần: kỹ năng nhận diện cảm xúc; kỹ năng điều khiển cảm xúc; kỹ năng kiểm soát cảm xúc và kỹ năng sử dụng cảm xúc vào cuộc sống (Nguyễn Thị Hải, 2013). Kết quả nghiên cứu của Phạm Thị Thu Lan (2017) kết luận rằng KNQLCX của sinh viên ngành giáo dục mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ ở mức độ trung bình, nhiều sinh viên còn chưa biết cách quản lý cảm xúc cho phù hợp (Phạm Thị Thu Lan, 2017). Nhìn chung, vấn đề KNQLCX đã được nhiều tác giả quan tâm nhằm làm sáng tỏ bản chất, cấu trúc, biểu hiện và mức độ thể hiện của KNQLCX ở giáo viên, sinh viên sư phạm,... Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu, bài viết nào phân tích thực trạng hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non (GDMN) Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

Mặt khác, khi đề cập đến vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục đối với chủ thể là người giáo viên, người ta thường chú ý nhiều hơn tới yếu tố như: kiến thức, kỹ năng và năng lực của giáo viên. Tuy nhiên, có một yếu tố quan trọng thường bị bỏ qua hoặc bị đánh giá thấp trong giáo dục đó chính là cảm xúc của giáo viên (Phạm Thị Thu Lan, 2017). Sinh viên ngành GDMN là giáo viên mầm non trong tương lai, là người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non “*nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một*” (Luật Giáo dục, 2019). Để đạt được mục tiêu này, trong công tác đào tạo giáo viên mầm non, các trường sư phạm ngoài việc tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên thì còn phải chú trọng đến vấn đề rèn luyện KNQLCX để các em có thể hiểu và quản lý cảm xúc của chính mình trong quá trình làm nghề sau này, đây cũng là yếu tố góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn như trên, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu thực trạng hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên ngành GDMN Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk là một vấn đề rất cần thiết để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non của nhà trường.

## **Cơ sở lý thuyết**

### *Kỹ năng quản lý cảm xúc*

Theo WHO, KNQLCX thuộc nhóm kỹ năng sống liên quan đến cảm xúc. Nhóm này bao gồm một số kỹ năng như nhận biết và chịu trách nhiệm về cảm xúc của mình, kiểm

chế và kiểm soát được cảm xúc, tự giám sát - tự điều chỉnh cảm xúc của cá nhân (Nguyễn Hữu Long, 2016).

Theo UNESCO, KNQLCX được xếp vào nhóm kỹ năng chung mà mỗi cá nhân đều có thể có để thích ứng với cuộc sống chung, giúp cá nhân dễ dàng thích nghi với môi trường xung quanh, nhận ra giá trị của bản thân và hướng đến những chuẩn mực xã hội và thực hiện nó một cách tốt nhất (Nguyễn Hữu Long, 2016).

Theo tác giả Nguyễn Thị Hải (2013), KNQLCX là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm, hiểu biết vào việc nhận diện, kiểm soát, điều chỉnh và sử dụng nhưng rung động của cá nhân khi có những kích thích tác động nhằm giúp con người đạt được những gì mong muốn. Đồng thời, tác giả cũng cho rằng KNQLCX có 4 kỹ năng thành phần: kỹ năng nhận diện cảm xúc; kỹ năng điều khiển cảm xúc; kỹ năng kiểm soát cảm xúc và kỹ năng sử dụng cảm xúc (Nguyễn Thị Hải, 2013; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2017). Đây là một trong những công trình làm nền tảng quan trọng giúp người nghiên cứu hệ thống cơ sở lý luận về KNQLCX của sinh viên.

### ***Hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non***

#### *Rèn luyện*

Theo tác giả Nguyễn Như Ý, rèn luyện là luyện tập thường xuyên qua thực tế để thành thục, vững vàng hơn (Nguyễn Như Ý, 1998). Theo tác giả Hoàng Phê, rèn luyện là luyện tập nhiều trong thực tế để đạt được những phẩm chất hay trình độ vững vàng, thông thạo (Hoàng Phê, 2003).

Theo tác giả Phạm Viết Vượng, rèn luyện trong giáo dục được phân biệt với luyện tập ở chỗ rèn luyện cần có sự cố gắng nỗ lực ý chí để vượt qua khó khăn nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Do đó rèn luyện cần có sự tham gia hỗ trợ của các thuộc tính tâm lý cấp cao như: động cơ, nhu cầu, ý chí (Phạm Viết Vượng, 2005).

#### *Sinh viên ngành Giáo dục mầm non*

Theo tác giả Tô Nhi A, sinh viên ngành GDMN là những người đang trong quá trình học tập, rèn luyện, nhằm tích lũy tri thức, hình thành kỹ năng và thái độ đúng đắn về lĩnh vực chăm sóc và giáo dục trẻ dưới 6 tuổi tại các trường đại học, cao đẳng sư phạm (Tô Nhi A, 2019). Các em là những người đang trong quá trình được đào tạo phát triển nhân cách toàn diện để trở thành người giáo viên mầm non tương lai.

#### *Hoạt động rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non*

Từ những khái niệm trên, nhóm nghiên cứu cho rằng hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên ngành GDMN là toàn thể những hoạt động giáo dục của một tập thể (trường sư phạm, phòng / khoa / ban, Đoàn Thanh niên, trường mầm non,...), hoặc một cá nhân (giảng viên, giáo viên mầm non,...) tổ chức các hoạt động giáo dục cho sinh viên phát

huy tính tự giác, tích cực, nỗ lực luyện tập thường xuyên nhằm hình thành và phát triển KNQLCX để thực hiện công việc đạt kết quả theo mục đích đã đề ra. Hoạt động này đòi hỏi nhà giáo dục phải tổ chức các hoạt động nhằm trang bị cho sinh viên một hệ thống tri thức lý luận về KNQLCX cũng như tạo điều kiện để họ luyện tập tại trường sư phạm và trải nghiệm thực tế tại các cơ sở giáo dục mầm non để rèn luyện KNQLCX và đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai.

## **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu**

### ***Đối tượng***

Nghiên cứu tiến hành khảo sát trên 93 sinh viên ngành GDMN hệ chính quy năm thứ 3 của Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk theo cách chọn mẫu thuận tiện; 03 giảng viên Trường CĐSP Đắk Lắk và 03 giáo viên mầm non Trường Mẫu giáo thực hành Hoa Hồng theo cách chọn mẫu có chủ đích.

### ***Phương pháp nghiên cứu***

*Phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm đánh giá thực trạng hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên ngành GDMN Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk. Bảng hỏi nhằm khảo sát các nội dung sau:*

- Nhận thức của sinh viên về khái niệm KNQLCX.

- Tâm quan trọng của hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên ngành GDMN, được đánh giá theo 4 mức: 1. Không quan trọng; 2. Bình thường; 3. Quan trọng; 4. Rất quan trọng.

- Mức độ thực hiện nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp rèn luyện KNQLCX, được đánh giá theo 5 mức, điểm số cho từ 1 đến 5 điểm dựa trên mức độ lựa chọn từ thấp đến cao. Điểm trung bình được chia làm 5 khoảng dựa trên công thức tính khoảng cách trung bình.

**Bảng 1. Cách quy điểm cho các câu hỏi có năm mức độ lựa chọn**

<b>MỨC ĐỘ</b>				
<b>1 - 1,8</b>	<b>1,81 - 2,6</b>	<b>2,61 - 3,4</b>	<b>3,41 - 4,2</b>	<b>4,21 - 5</b>
1. Chưa thực hiện	2. Hiếm khi	3. Thỉnh thoảng	4. Thường xuyên	5. Rất thường xuyên

- Nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên, được đánh giá theo 3 mức, điểm số cho từ 1 đến 3 điểm theo các lựa chọn từ thấp đến cao. Điểm trung bình được chia làm 3 khoảng dựa trên công thức tính khoảng cách trung bình.

**Bảng 2. Cách quy điểm cho câu hỏi có ba mức độ lựa chọn**

<b>1 - 1,66</b>	<b>1,67 - 2,33</b>	<b>2,34 - 3</b>
1. Không đồng ý	2. Đồng ý	3. Rất đồng ý

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu văn bản, phương pháp phỏng vấn và phương pháp thống kê toán học.

### **Kết quả và thảo luận**

#### *Thực trạng nhận thức KNQLCX của sinh viên*

Phần lớn sinh viên tham gia khảo sát (67,74%) chưa hiểu đúng và đầy đủ về khái niệm KNQLCX. Cụ thể, 48,39% sinh viên chỉ hiểu KNQLCX theo một chiều là kiềm chế được cảm xúc nóng giận. Kết quả trò chuyện, phỏng vấn cũng cho thấy một số sinh viên còn khá mơ hồ trong việc hiểu khái niệm quản lý cảm xúc, chủ yếu thường sử dụng cụm từ “kiềm chế sự tức giận hoặc khó chịu” khi nói về kỹ năng quản lý cảm xúc; 19,35% sinh viên cũng chỉ hiểu một chiều về mặt nhận biết trạng thái cảm xúc của người khác mà chưa đề cập đến khả năng nhận biết cảm xúc của bản thân - đó là khả năng tự nhận thức để có thể kiểm soát và điều chỉnh hành vi của bản thân. Chỉ có 32,26% sinh viên nhận thức đầy đủ về khái niệm KNQLCX là “khả năng nhận biết, kiểm soát, điều khiển và sử dụng cảm xúc của mình phù hợp với hoàn cảnh để thực hiện công việc đạt kết quả theo mục đích đã đề ra”.

Kết quả điều tra cũng cho thấy, sinh viên được khảo sát có nhận thức về vai trò của KNQLCX với nghề giáo viên mầm non ở mức cao, cụ thể 96% sinh viên đánh giá KNQLCX ở mức “quan trọng” đến “rất quan trọng”, trong đó có 72% cho rằng KNQLCX là “rất quan trọng” đối với nghề GVMN tương lai.

Tóm lại, tuy rằng phần lớn sinh viên được hỏi đã nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của KNQLCX nhưng lại chưa nhận thức đầy đủ, chính xác về khái niệm kỹ năng này, điều đó cho thấy sinh viên vẫn còn thiếu chủ động trong việc tìm hiểu kiến thức về KNQLCX cho nghề nghiệp tương lai dù đã nhận thức đúng vai trò, ý nghĩa của nó.

#### *Thực trạng mức độ thực hiện các nội dung rèn luyện KNQLCX cho sinh viên*

**Bảng 3. Đánh giá về mức độ thực hiện các nội dung rèn luyện KNQLCX cho sinh viên**

<b>STT</b>	<b>Nội dung KNQLCX cần rèn luyện</b>	<b>M</b>	<b>SD</b>
1	Kỹ năng nhận diện cảm xúc: Biết nhìn, quan sát, cảm nhận và gọi tên chính xác các dạng cảm xúc	3,95	0,61
2	Kỹ năng kiểm soát cảm xúc: Biết kìm nén, tiết chế, trì hoãn các cảm xúc tích cực/tiêu cực trong suy nghĩ và hành động; biết khống chế cảm xúc của bản thân có ý thức và bộc lộ cảm xúc ra bên ngoài bằng những hành động từ tốn	3,73	0,84

STT	Nội dung KNQLCX cần rèn luyện	M	SD
3	Kỹ năng điều khiển cảm xúc bản thân: biết điều chỉnh cảm xúc và có hành vi thể hiện cảm xúc tích phù hợp với tình huống	3,25	1,11
4	Kỹ năng sử dụng cảm xúc bản thân: Biết tìm những cảm xúc tích cực thay thế cho cảm xúc tiêu cực; biết vận dụng các kỹ năng thư giãn để giải tỏa cảm xúc	3,07	1,05

*M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn;  $1 < M < 5$*

Số liệu ở Bảng 3 cho thấy, các nội dung của KNQLCX được rèn luyện ở mức độ “Thường xuyên” và “Thỉnh thoảng”. Trong đó, nội dung rèn luyện kỹ năng nhận diện cảm xúc ( $M = 3,95$ ) và kỹ năng kiểm soát cảm xúc ( $M = 3,73$ ) được đánh giá thực hiện “thường xuyên”. Các kỹ năng kỹ năng điều khiển cảm xúc ( $M = 3,25$ ) và kỹ năng sử dụng cảm xúc ( $M = 3,07$ ) được sinh viên đánh giá chỉ ở mức “thỉnh thoảng”. Sự đánh giá này phù hợp với thực tế nhà trường, vì cả giảng viên và sinh viên đều cho biết những nội dung cơ bản về việc nhận biết và gọi tên các cảm xúc sinh viên đã được lĩnh hội trong học phần Tâm lý học đại cương, ngoài ra trong quá trình giảng dạy, giảng viên vẫn thường đưa ra những ví dụ, dẫn chứng thực tế có liên quan đến cảm xúc và kiểm soát cảm xúc của giáo viên mầm non khi thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ. Trong khi các kỹ năng thành phần còn lại thì sinh viên vẫn rất mơ hồ.

Như vậy, dù các giảng viên nhà trường đã có sự quan tâm nhất định đến việc thực hiện các nội dung rèn luyện KNQLCX cho sinh viên nhưng sự quan tâm này chưa cao, hầu hết các giảng viên được phỏng vấn cũng chia sẻ rằng do khối lượng kiến thức trong chương trình bộ môn khá nhiều, nên giảng viên đều tập trung hoàn thành nội dung các học phần mình được đảm nhiệm, không có nhiều thời gian để rèn luyện các nội dung giáo dục khác như KNQLCX.

#### ***Thực trạng mức độ thực hiện các hình thức rèn luyện KNQLCX cho sinh viên***

**Bảng 4. Đánh giá về mức độ thực hiện các hình thức rèn luyện KNQLCX cho sinh viên**

STT	Các hình thức tổ chức rèn luyện KNQLCX	M	SD
1	Thông qua môn học Giao tiếp sư phạm, nghề Giáo viên mầm non	3,76	0,64
2	Thông qua tích hợp, lồng ghép trong các môn học khác trên lớp	3,37	1,05
3	Thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn kỹ năng mềm	3,34	0,95
4	Thông qua thực hành, thực tập sư phạm	3,65	1,01
5	Thông qua tự giáo dục, tự rèn luyện	3,22	1,22

*M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn;  $1 < M < 5$*



Kết quả nghiên cứu ở Bảng 4 cho thấy các hình thức rèn luyện KNQLCX cho sinh viên được đánh giá thực hiện ở mức độ “thường xuyên” hoặc “thỉnh thoảng”. Cụ thể:

Hình thức rèn luyện được sinh viên đánh giá ở mức độ “thường xuyên” là “Thông qua môn học Giao tiếp sư phạm, Nghề Giáo viên mầm non” ( $M = 3,76$ ). Đây là những học phần được quy định trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng của trường CĐSP Đắk Lắk. Cả hai học phần đều có những nội dung cơ bản về giao tiếp và ứng xử sư phạm của cô giáo mầm non với trẻ giúp sinh viên hình thành và rèn luyện được những kỹ năng xử lý tình huống giáo dục trong trường mầm non,... Tuy nhiên, giảng viên giảng dạy các học phần này cho biết cả hai học phần đều chỉ đề cập tới các nhóm kỹ năng giao tiếp cơ bản như kỹ năng định hướng; kỹ năng định vị; kỹ năng điều khiển, điều chỉnh quá trình giao tiếp; kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống sư phạm,... và hầu như không có nội dung KNQLCX dù đây là một trong những kỹ năng rất quan trọng cần rèn luyện cho sinh viên. Điều này cho thấy, tuy đội ngũ giảng viên đã nhận thức được vai trò của kỹ năng quản lý cảm xúc đối với sinh viên nhưng vì bị khống chế bởi nội dung chương trình và thời lượng tiết học, nên cũng ảnh hưởng đến việc rèn kỹ năng cho sinh viên.

Cũng được sinh viên đánh giá ở mức độ thực hiện “thường xuyên” là hình thức “thông qua thực hành, thực tập sư phạm” ( $M = 3,65$ ). Đánh giá này phù hợp với thực tế đào tạo của trường, hoạt động thực hành, thực tập sư phạm được nhà trường thực hiện liên tục trong suốt quá trình đào tạo, là cơ hội để sinh viên được vận dụng các tri thức chăm sóc giáo dục trẻ vào thực tiễn giáo dục mầm non, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm, kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm (với trẻ, phụ huynh,...), trong đó có KNQLCX. Qua trò chuyện, sinh viên chia sẻ rằng các em đều có những cảm xúc khó chịu, e ngại, chán nản khi trẻ khóc, không nghe lời, không chịu ăn, nôn trớ,... trong những lần đầu kiến tập, thực hành. Nhưng khi thực tập vào năm thứ ba, các em đã bình tĩnh và có kinh nghiệm xử lý các tình huống hơn. Một số giáo viên mầm non làm công tác hướng dẫn thực hành - thực tập cũng cho biết, phần lớn sinh viên đi kiến tập vào những lần đầu còn rất lúng túng khi kiểm soát cảm xúc, nhất là những cảm xúc tiêu cực khi xử lý các tình huống sư phạm, tuy nhiên những vấn đề trên đã giảm đi rất nhiều khi các em thực tập tại năm cuối.

Hình thức rèn luyện “thông qua tích hợp, lồng ghép trong các môn học khác trên lớp” ( $M = 3,37$ ) được đánh giá “thỉnh thoảng” thực hiện, xếp hạng thứ 3. Qua trao đổi, đa phần sinh viên và giảng viên được hỏi đều cho rằng có thể lồng ghép, tích hợp rèn luyện KNQLCX cho sinh viên trong các học phần như Tâm lý học đại cương, Giáo dục học mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm,...

Cũng xếp ở mức độ “Thỉnh thoảng” thực hiện là hình thức rèn luyện “thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn kỹ năng mềm” ( $M = 3,34$ ) và hình thức “tự giáo dục, tự rèn luyện” ( $M = 3,22$ ). Khi được phỏng vấn, giảng viên kiêm nhiệm công tác Đoàn chia sẻ rằng dù Đoàn, Hội sinh viên tổ chức khá nhiều hoạt động trong năm học nhưng vẫn

chủ yếu nghiêng về các hoạt động phong trào theo chủ đề chủ điểm do Đoàn cấp trên phát động, ít có điều kiện và thời gian tổ chức các buổi tập huấn, chuyên đề, khóa học về kỹ năng mềm cho sinh viên của nhà trường, trong đó có KNQLCX.

Như vậy, mặc dù nhận thức đầy đủ về các hình thức tổ chức rèn luyện KNQLCX song nhìn chung mức độ thực hiện các hình thức này còn thấp nên cũng là nguyên nhân khiến hiệu quả rèn luyện kỹ năng chưa cao.

#### *Thực trạng mức độ thực hiện các phương pháp rèn luyện KNQLCX cho sinh viên*

**Bảng 5. Đánh giá mức độ sử dụng các phương pháp rèn luyện KNQLCX cho sinh viên**

STT	Phương pháp rèn luyện KNQLCX	M	SD
1	Phương pháp dùng lời (giảng giải, đàm thoại)	4,13	0,71
2	Phương pháp tập thói quen	3,33	0,92
3	Phương pháp rèn luyện	3,32	1,02
4	Phương pháp đóng vai.	3,74	0,75
5	Phương pháp dạy học nhóm.	3,85	0,66
6	Phương pháp tạo tình huống.	3,67	0,74
7	Phương pháp nêu gương.	3,44	0,77

*M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn;  $1 < M < 5$*

Theo Bảng 5, những phương pháp rèn luyện KNQLCX cho sinh viên được đánh giá sử dụng “thường xuyên” là “phương pháp dùng lời” ( $M = 4,13$ ). Như vậy có thể thấy, nhóm phương pháp dạy học dùng lời như giảng giải, đàm thoại,... vẫn là những phương pháp được sử dụng chủ yếu trong quá trình rèn luyện KNQLCX cho sinh viên. Tiếp theo là “phương pháp dạy học nhóm” ( $\bar{X}=3,85$ ). Đây là phương pháp dạy học thường được sử dụng để phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình học tập và giúp sinh viên thực hành KNQLCX trong quá trình giao tiếp, thảo luận, thuyết trình.

Các phương pháp “phương pháp đóng vai” ( $M = 3,74$ ), “phương pháp tạo tình huống” ( $M = 3,67$ ) và “phương pháp nêu gương” ( $M = 3,44$ ) cũng được đánh giá ở mức độ “thường xuyên”. Qua trò chuyện, chúng tôi được biết các phương pháp trên thường được sử dụng trong các tiết học thực hành của nhóm bộ môn phương pháp, xoay quanh kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục (học tập, vui chơi ngoài trời,...). Tuy nhiên, trong quá trình thực hành tập dạy trên lớp sinh viên vẫn còn thực hiện rập khuôn theo kế hoạch, chưa chủ động xây dựng tình huống giao tiếp để rèn luyện các KNGT ứng xử sư phạm, trong đó có KNQLCX. Điều này khiến sinh viên thường không tiên lượng trước được các tình huống có thể xảy ra trong thực tiễn giáo dục mầm non và hệ quả là các em lúng túng trong cách xử lý các tình huống sư phạm, trầm trọng hơn là có sinh viên cảm thấy e ngại hoặc lo sợ khi phải giao tiếp với phụ huynh của trẻ khi đi thực hành thực tập.

Các “phương pháp tạo thói quen” ( $M = 3,33$ ); “phương pháp rèn luyện” ( $M = 3,32$ ) được đánh giá ở mức độ “thỉnh thoảng” thực hiện. Việc rèn luyện kỹ năng không thể chỉ thực hiện qua cung cấp tri thức mà còn phải tạo điều kiện để sinh viên luyện tập thường xuyên các hành vi ứng xử để quản lý cảm xúc. Do đó, nếu những phương pháp này ít được sử dụng thì sẽ không tạo được sự liên mạch trong hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên.

Như vậy, bên cạnh các phương pháp truyền thống như giảng giải, đàm thoại thì một số phương pháp dạy học, giáo dục tích cực như phương pháp làm việc nhóm, phương pháp đóng vai, phương pháp tạo tình huống,... cũng thường xuyên được sử dụng để rèn luyện KNQLCX cho sinh viên. Tuy nhiên, vì chưa có sự phối hợp tốt giữa các phương pháp nên việc rèn luyện kỹ năng cho sinh viên vẫn chưa đạt hiệu quả cao.

#### *Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên*

**Bảng 6. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên**

STT	Các nguyên nhân	M	Thứ bậc
<b>Chủ quan</b>			
1	Sinh viên chưa có kiến thức đầy đủ về nội dung liên quan đến KNQLCX	2,04	2
2	Sinh viên chưa có động cơ và thái độ đúng đắn đối với nghề GVMN	1,93	5
3	Sinh viên thiếu tích cực, chủ động tìm hiểu và rèn luyện KNQLCX	2,00	3
4	Sinh viên chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, sự cần thiết của việc rèn luyện KNQLCX đối với nghề giáo viên mầm non	2,08	1
5	Sự lạm dụng các phương tiện công nghệ thông tin và mạng xã hội của sinh viên	1,99	4
<b>Khách quan</b>			
1	Hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên chưa được quan tâm đúng mức	2,42	1
2	Nội dung chương trình đào tạo còn nặng tính lý thuyết, nhẹ về thực hành, rèn luyện kỹ năng	1,85	5
3	Giảng viên trường sư phạm và giáo viên mầm non chưa quan tâm đến việc rèn luyện KNQLCX cho sinh viên trong quá trình thực hành, thực tập	1,96	4
4	Phương pháp, hình thức tổ chức rèn luyện KNQLCX chưa hợp lý	2,11	2
5	Cách nhìn nhận và đánh giá của xã hội đối với nghề giáo viên mầm non còn tiêu cực	2,00	3

*M: Điểm trung bình;  $1 < M < 5$*

Từ kết quả Bảng 6 cho thấy trong nhóm các nguyên nhân chủ quan khiến hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên chưa hiệu quả, đứng đầu là nguyên nhân “Sinh viên chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, sự cần thiết của việc rèn luyện KNQLCX đối với nghề giáo viên mầm non”. (M = 2,08); thứ hai là “Sinh viên chưa có kiến thức đầy đủ về nội dung liên quan đến kỹ năng quản lý cảm xúc” (M = 2,04); thứ ba là “Sinh viên thiếu tích cực, chủ động tìm hiểu và rèn luyện KNQLCX” (M = 2,00); thứ tư là “sự lạm dụng các phương tiện công nghệ thông tin và mạng xã hội của sinh viên” (M = 1,97); và cuối cùng là “Sinh viên chưa có động cơ và thái độ đúng đắn đối với nghề GVMN” (M = 1,93)

Xếp hạng thứ nhất trong nhóm các nguyên nhân khách quan là “Hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên chưa được quan tâm đúng mức” (M = 2,42); thứ hai là “Phương pháp, hình thức rèn luyện kỹ năng chưa hợp lý” (M = 2,11); thứ ba là do “cách nhìn nhận và đánh giá của xã hội đối với nghề giáo viên mầm non còn tiêu cực” (M = 2,00); thứ tư là “Giảng viên trường sư phạm và giáo viên mầm non chưa quan tâm đến việc rèn luyện KNQLCX cho sinh viên trong quá trình thực hành, thực tập” (M = 1,96); Thứ năm là do “Nội dung chương trình đào tạo còn nặng tính lý thuyết, nhẹ về thực hành, rèn luyện kỹ năng” (M = 1,85).

Như vậy, để có thể rèn luyện KNQLCX cho sinh viên, trước hết bản thân sinh viên phải là chủ thể tích cực, tự giác, chủ động trong việc tìm tòi, học hỏi những kiến thức về KNQLCX đối với nghề nghiệp tương lai. Bên cạnh đó cũng cần có sự quan tâm đúng mức từ phía nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên thông qua nhiều biện pháp đa dạng, phong phú nhằm cung cấp những kiến thức nền tảng và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

### **Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên ngành GDMN Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk**

#### ***Đối với Trường Cao đẳng sư phạm Đắk Lắk***

Nhà trường cần thực sự chú trọng và nâng cao sự đồng bộ giữa các bộ phận phòng, ban, khoa,... trong công tác rèn luyện KNQLCX cho sinh viên, như: tổ chuyên môn tham mưu với Ban Giám hiệu xem xét, nghiên cứu việc đưa nội dung KNQLCX vào chương trình học phần Giao tiếp sư phạm hoặc lồng ghép, tích hợp nội dung kỹ năng QL CX vào các môn học có liên quan; Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên,... có sự phối hợp để tổ chức các chuyên đề, khóa học về KNQLCX cho sinh viên; Xây dựng kế hoạch thường xuyên cho sinh viên xuống trường mầm non để tiếp xúc với thực tế nghề nghiệp; Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề phát triển kỹ năng giao tiếp trong đó có KNQLCX cho giáo viên mầm non của trường mầm non thực hành để nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên mầm non.

### *Đối với giảng viên và giáo viên mầm non hướng dẫn thực tập sư phạm*

Về phía đội ngũ giảng viên, bên cạnh việc nghiên cứu về các cách thức đưa nội dung về KNQLCX vào tổ chức dạy trên lớp thì cũng cần tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp sư phạm trong đó có KNQLCX cho sinh viên; giáo viên mầm non hướng dẫn thực hành thực tập làm gương cho giáo sinh học hỏi các kỹ năng sư phạm cần thiết và tạo cơ hội để sinh viên phát triển KNQLCX qua các tình huống thực tế.

### *Đối với sinh viên*

Sinh viên ngành GDMN Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk phải tự giác, tích cực trong việc tìm hiểu, trau dồi kiến thức và có ý thức rèn luyện, phát triển KNQLCX cho bản thân bằng nhiều hình thức khác nhau; thường xuyên thực hành qua các dạng: đọc, quan sát, biểu lộ qua hình ảnh hoặc qua tham gia thực hành giải quyết các tình huống cụ thể của cuộc sống; rèn luyện những một số kỹ năng thư giãn, giải tỏa cảm xúc để xử lý tình huống phù hợp; chủ động tham gia các chuyên đề, khóa học nâng cao KNQLCX và tích lũy kinh nghiệm qua các hoạt động giao tiếp trong quá trình học tập tại trường sư phạm hay kiến tập, thực hành, thực tập tại trường mầm non thực hành để có khả năng quản lý cảm xúc nhanh nhạy trong các tình huống sư phạm phức tạp, đa dạng.

### **Kết luận**

Qua nghiên cứu, chúng tôi đi đến kết luận như sau: sinh viên ngành GDMN Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk đã nhận thức được tầm quan trọng của KNQLCX đối với nghề nghiệp tương lai. Tuy nhiên, nhận thức của sinh viên về khái niệm KNQLCX còn hạn chế, chỉ đạt ở mức độ thấp. Các nội dung KNQLCX chưa được giảng viên thực hiện rèn luyện thường xuyên cho sinh viên. Các hình thức rèn luyện chủ yếu thông qua hoạt động dạy học và hoạt động thực hành, thực tập sư phạm. Trong các phương pháp rèn luyện KNQLCX cho sinh viên, giảng viên đã sử dụng thường xuyên nhiều phương pháp dùng lời (đàm thoại, giảng giải,...), phương pháp dạy học nhóm, phương pháp đóng vai, tạo hình huống,... Có các nguyên nhân chủ quan và khách quan khiến cho hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên chưa hiệu quả. Trong đó những nguyên nhân hàng đầu chủ yếu xuất phát từ phía sinh viên như thiếu tích cực, chủ động tìm hiểu và rèn luyện KNQLCX. Tiếp theo là các nguyên nhân khách quan liên quan đến sự thiếu quan tâm của nhà trường trong việc tổ chức hoạt động rèn luyện KNQLCX cho sinh viên như hạn chế các buổi tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng về KNGT sư phạm nói chung và KNQLCX nói riêng; chưa lồng ghép, tích hợp KNQLCX trong quá trình đào tạo.

Tóm lại, để hình thành và rèn luyện KNQLCX cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk đòi hỏi sự quan tâm đúng mức của nhà trường

trong việc xây dựng các chương trình giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp cho sinh viên trong đó có giáo dục KNQLCX; ngoài ra, việc rèn luyện KNQLCX cho sinh viên còn cần tới sự phối hợp linh hoạt các biện pháp giáo dục của đội ngũ giảng viên sư phạm nhà trường trong công tác giảng dạy cũng như sự hướng dẫn, hỗ trợ của giáo viên mầm non trong hoạt động thực hành thực tập sư phạm; và đặc biệt là bản thân sinh viên cần phát huy tinh thần chủ động, tích cực trong việc tự giáo dục, tự rèn luyện KNQLCX.

### Tài liệu tham khảo

- Bùi Khiếu Ngọc Lệ Hằng (2012). *Thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ ở thành phố Cà Mau*. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- Bùi Thị Nguyên Hảo (2013). *Thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ ở thị xã Dĩ An*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- Hoàng Phê (2003). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: Đà Nẵng.
- Huỳnh Văn Sơn (2012). *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Đại học sư phạm*. TP. Hồ Chí Minh: Giáo dục Việt Nam.
- Luật Giáo dục* (2019). Hà Nội: Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Nguyễn Bá Phú (2016). *Kỹ năng quản lý cảm xúc lo âu của sinh viên Đại học Huế*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- Nguyễn Hữu Long (Chủ biên) (2016). *Phát triển kỹ năng sống (dành cho lứa tuổi thiếu niên)*. TP. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ.
- Nguyễn Như Ý (1998). *Đại từ điển tiếng việt*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.
- Nguyễn Thị Hải (2013). *Kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân của sinh viên sư phạm*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- Phạm Thị Mỹ Nữ (2018). *Thực trạng rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm với trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non*. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- Phạm Thị Thu Lan (2017). *Kỹ năng quản lý cảm xúc của sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- Phạm Viết Vượng (2005). *Lý luận giáo dục: Dành cho các trường cao đẳng sư phạm*. Hà Nội: Đại học sư phạm.
- Tô Nhi A (2019). *Kỹ năng thực hành nghề của sinh viên ngành sư phạm mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- Trường Đại học sư phạm Hà Nội (2017). *Tài liệu bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV*. Hà Nội: Đại học sư phạm.